

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2019/DS-ST
Ngày 09 tháng 5 năm 2019
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Bá Hợp

Bà Lê Thị Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Gò Vấp Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Anna Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 474/2018/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà T, sinh năm: 1971; địa chỉ: Số 118/1/19 đường A, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà H, sinh năm: 1968; địa chỉ: Số 201/2 đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T: Luật sư C - Thuộc K (có mặt)

Người làm chứng: Bà S; địa chỉ: Số 140/47 đường C, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản làm việc, nguyên đơn là bà T trình bày:

Do quen biết nên ngày 26/6/2016 bà T có cho bà H vay số tiền là 330.000.000 đồng, thời hạn vay số tiền trên là 11 tháng. Phương thức trả nợ hai bên thống nhất bà H trả cho bà T mỗi ngày 1.000.000 đồng, trả từ ngày 26/6/2016 đến ngày 26/5/2017, các bên không thỏa thuận mức lãi suất. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bà H chỉ thanh toán cho bà T tổng số tiền là 126.000.000 đồng. Số tiền còn nợ lại là 204.000.000 đồng đến nay bà H vẫn chưa thanh toán.

Đồng thời vào ngày 29/8/2016 bà H có nhờ bà T vay giúp của bà Y số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất 5%/01 tháng, không xác định thời hạn trả. Thực hiện thỏa thuận nói trên, bà T đã đưa cho bà H số tiền 50.000.000 đồng nhưng đến nay bà H vẫn chưa hoàn trả mặc dù phía bà T đã hoàn trả lại cho bà Y số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh mà bà H đã vay mượn. trong quá trình thực hiện hợp đồng vay 50.000.000 đồng bà T xác nhận có nhận 01 tháng tiền lãi của bà H là 2.500.000 đồng. Do đây là số tiền lãi vượt mức quy định pháp luật cho phép nên bà chấp nhận trả lại và căn trừ vào số tiền gốc mà bà H chưa thanh toán.

Do nhiều lần yêu cầu bà H thanh toán số tiền còn nợ lại nhưng bà H vẫn cố tình không trả nên bà T yêu cầu Tòa án buộc bà H phải có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà T tổng số tiền còn nợ là 204.000.000 đồng + 48.062.500 đồng (đã trừ phần lãi vượt quy định) = 252.062.500 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà T không yêu cầu tính lãi phát sinh đối với số tiền còn nợ.

Tại bản tự khai, bà S – là người làm chứng đã trình bày: bà S xác định vào ngày 26/6/2016 bà có chứng kiến việc bà H (có tên thường gọi là P) có mượn của bà T số tiền 330.000.000 đồng và bà có ký tên làm chứng vào giấy mượn tiền giữa hai bên. Bà cam kết lời khai của bà là đúng sự thật và không bị ai ép buộc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T trình bày: Căn cứ vào các giấy biên nhận vay mượn tiền giữa bà T và bà H đã xác định giữa hai bên có giao dịch hợp đồng vay tài sản, qua đó bà T đã cho bà H vay với tổng số tiền là 380.000.000 đồng. Đối với khoản vay 330.000.000 đồng các bên không thỏa thuận lãi suất. Riêng đối với khoản vay 50.000.000 đồng do bà T phải mượn thay cho bà H nên bà H chịu lãi suất 5%/1 tháng. Khoản vay 330.000.000 bà H đã thanh toán 126.000.000 đồng, khoản vay 50.000.000 đồng bà H đóng lãi 01 tháng là 2.500.000 đồng. Nay căn trừ tiền lãi vượt mức quy định pháp luật cho phép nên tiền lãi vượt được căn trừ vào số tiền nợ gốc. Từ những căn cứ nêu trên Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bà H phải thanh toán cho bà T tổng số tiền còn nợ là 252.062.500 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng gồm, thông báo thụ lý, giấy triệu tập đương sự, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về kết quả việc kiểm tra giao nộp chứng cứ, quyết định

đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa theo quy định của pháp luật; tuy nhiên bà H vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày cũng như yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án nhân dân quận Gò Vấp thụ lý giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đảm bảo vụ án được đưa ra xét xử theo thời gian luật định quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể: đã thụ lý đúng thẩm quyền, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt cho các đương sự các văn bản tố tụng, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và tổng đạt cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp theo đúng quy định tại các Điều 208, Điều 175, Điều 177, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Theo giấy biên nhận mượn tiền mà hai bên đã ký kết vào các ngày 26/6/2016 và ngày 29/8/2016 đã thể hiện bà H có mượn của bà T số tiền 330.000.000 đồng, không lãi suất và 50.000.000 đồng với lãi suất 5%/01 tháng (số tiền 50.000.000 đồng vay của bà Y nhưng thông qua bà T vay giúp). Đến nay, bà H chỉ thanh toán cho bà T số tiền 126.000.000 đồng và 2.500.000 đồng tiền lãi. Đối với số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật, bà T đồng ý trừ phần lãi vượt quá quy định vào nợ gốc và chỉ yêu cầu bà H thanh toán số nợ gốc còn lại là 252.062.500 đồng là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của phía Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] 1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà H; địa chỉ: Số 201/2 đường S, Phường B, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả lại cho bà T 252.062.500 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bà H có nơi cư trú tại số 201/2 đường S, Phường B, G, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an phường B, quận G) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Vấp theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] 2. Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy;

Đối với giấy nhận tiền ký ngày 26/6/2016, có người làm chứng là bà S đã thể hiện; bà T có cho bà H mượn số tiền là 330.000.000 đồng với phương thức thanh toán mỗi ngày trả 1.000.000 đồng, trả từ ngày 26/6/2016 đến ngày 26/5/2017. Giấy nợ ngày 29/8/2016 có thể hiện bà T có mượn giúp bà H số tiền 50.000.000 đồng với mức lãi suất là 5%/01 tháng và bà H đã ký tên xác nhận. Việc ký kết giao dịch dân sự này với nội dung bà T mượn thay cho bà H và chỉ thể hiện giao dịch giữa bà T và bà H. Nghĩa vụ phát sinh giữa bà T và bà Y (là bên thứ 3) do bà T tự giải quyết nên Tòa án không có cơ sở để triệu tập bà Y tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Việc ký xác nhận cho khoản vay 50.000.000 đồng nói trên bà H đã ký kết nên xem như là có giao dịch dân sự. Đối với mức lãi suất là 5%/01 tháng là trái với quy định của pháp luật nhưng phía bà T đã tự nguyện cản trừ phần lãi vượt mức quy định để cản trừ vào tiền gốc là phù hợp với quy định. Cụ thể số tiền lãi vượt quy định là 2.500.000 đồng – 562.500 đồng (đây là mức lãi suất cho phép $(9\% : 12 \text{ tháng} \times 150\%) = 1.937.500 \text{ đồng}$). Do đó số tiền gốc của khoản vay 50.000.000 đồng được xác định còn nợ lại là 50.000.000 đồng – 1.937.500 đồng = 48.062.500 đồng.

[4] Lời khai của bà T xác nhận đến nay bà H chỉ thanh toán được 126.000.000 đồng + 2.500.000 đồng, ngoài ra không có chứng cứ nào thể hiện bà H đã thanh toán hơn số tiền nói trên. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án thể hiện rõ nội dung yêu cầu khởi kiện, niêm yết thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, niêm yết quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 474/2019/QĐCCTLCC đối với bà H về việc bà H có nghĩa vụ giao nộp các tài liệu chứng cứ liên quan đến việc vay mượn tiền với bà T nhưng bà H vẫn không đến Tòa tham gia và giao nộp các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình theo quy định tại Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự nên xem như bà H từ bỏ quyền chứng minh của mình.

[5] Từ những phân tích nêu trên; căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để tuyên buộc bà H phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà T tổng số tiền còn nợ là 252.062.500 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận việc không yêu cầu tính lãi của bà T.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn là bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $252.062.500 \text{ đồng} \times 5\% = 12.603.125 \text{ đồng}$.

Nguyên đơn được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 227 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà H phải trả cho bà T số tiền là 252.062.500 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng), trả làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng bà H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu 12.603.125 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà T số tiền là 6.350.000 đồng theo biên lai thu số 0001275 ngày 03/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS Q Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Quốc Việt